

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN H

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH CAO BẰNG

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22/4/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, CAO BẰNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Viễn

2. Bà: Nông Thị Lễ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chu Văn Duy - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện H, Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng tham gia
phiên tòa: Bà Bé Thị Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2018 về việc ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị Ph; sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Xóm P, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Trú tại: Bản G, thị Trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi làm việc: UBND xã V, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2. Bị đơn: Anh Sầm Văn B; sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm P, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Chị Ph và anh B đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2018 và lời khai Nguyên đơn chị Nông Thị Ph trình bày: Chị và anh Sầm Văn B quen nhau và đi đến hôn nhân từ 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01, ngày 25/8/2009. Sau khi kết hôn thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường hòa thuận, hạnh phúc, có 01 con chung tên là Sầm Trà M sinh ngày 18 tháng 7 năm 2010. Cuộc sống gia đình về sau không hạnh phúc xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, vợ chồng sống với nhau được 09 năm và càng ngày càng thấy cuộc sống vợ chồng càng phức tạp, chị không thể chịu được cuộc sống như vậy. Chồng sống chỉ biết bản thân mình và nghe mẹ nói chị, vu cho chị tội này, tội nọ mà chị không biết mình có sai lầm gì, chị đi làm việc nhà nước chồng ở nhà ghen tuông vô cớ, nhắn tin gọi điện thoại suốt, không thừa thì bị trách, giải thích chồng cũng không hiểu, đi làm về mệt không ăn cơm được cũng nói là không ăn cơm với chồng, nghi ngờ chị là nhớ thằng nào, bảo không có ai cũng không tin, cả mẹ chồng cũng vu khống chị là có bồ, chị gái chồng cũng lên nhà chửi chị, xúc phạm và oan cho chị. Chị cảm thấy không thể tiếp tục sống với chồng được nữa, nên từ khoảng tháng 10/2018 chị đã bỏ về bên bố mẹ đẻ ở cho đến nay, có nhiều lần cố gắng muốn hòa thuận nhưng một thời gian ngắn lại cãi nhau. Mẹ chị và em gái chị cũng khuyên giải chị nhiều lần nhưng chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên chị không thể quay về đoàn tụ, trong thời gian chị xuống ở nhà bố, mẹ, chồng còn xuống chửi nhiều lần nữa. Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh B đã không còn và không thể sống chung với nhau được nữa, Chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Theo nguyện vọng của con, con muốn trực tiếp ở với chị, chị hoàn toàn nhất trí và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản gì; số tiền nợ Ngân hàng chị và anh B đã khác trả Ngân hàng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời tự khai của anh Sầm Văn B đề ngày 11/01/ 2019 và các tài liệu khác trong hồ sơ, cũng xác nhận anh và chị Ph kết hôn từ tháng 2 năm 2009, việc đăng ký kết hôn đúng như chị Ph đã trình bày ở trên và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 8 năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do khi vợ đi làm về muộn, chồng hỏi thì vợ không thừa, hỏi nhiều thì bảo chồng ghen rồi cãi vã nhau, chồng làm lạnh rồi vợ cũng không thừa, đến tháng 11/2018 vợ xin về nhà bố mẹ đẻ 03 hôm để ôn thi xong rồi về, nhưng ôn thi xong vợ cũng không về nữa, đến tháng 12/2018 vợ làm đơn xin ly hôn anh, anh mong Tòa án không chấp nhận yêu cầu của vợ anh. Anh thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Ph vẫn còn, anh mong chị quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Ban đầu anh yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con, tại phiên hòa giải ngày 26 tháng 3 năm 2019 anh nhất trí theo nguyện vọng của con, tùy con thích ở với ai, nhưng tại phiên tòa anh lại yêu cầu trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung Ngân hàng chính sách xã hội huyện H và nợ anh Trịnh Văn T, xóm Đ, thị trấn X, huyện H. Quá trình giải quyết vụ án anh B và chị Ph đã khác thỏa thuận trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T, Ngân hàng chính sách cũng có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biết về quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho ly hôn giữa chị Nông Thị Ph và anh Sầm Văn B, về con chung: Căn cứ vào điều kiện và nguyện vọng của con, giao cháu Sầm Trà M cho chị Nông Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tuổi trưởng thành 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có gì và khoản nợ chị Ph anh B đã tự thỏa thuận trả, không yêu cầu giải quyết. Chị Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cả nguyên đơn và bị đơn đều cư trú, làm việc tại huyện H, Cao Bằng, do vậy, Tòa án huyện H thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và thực hiện các nấc bước thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nông Thị Ph và anh Sầm Văn B là hợp pháp. Vợ chồng chị Ph và anh B sau khi kết hôn sống hòa thuận hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng chị Ph và anh B không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm, luôn cãi vã lẫn nhau. Chị Ph cho rằng anh B sống chỉ biết bản thân mình, nghe lời mẹ nói chị, chị đi làm

việc nhà nước anh ở nhà hay ghen tuông vô cớ đi làm không yên cứ nhắn tin điện thoại suốt, mặc dù chị giải thích chồng cũng không hiểu cho. Chị đi làm về mệt không ăn cơm được, cũng nói là không ăn cơm với chồng, lúc nào cũng nghi ngờ chị là nhớ thằng nào, bắt chị phải nói ra, chị nói không có ai, chồng cũng không tin, cả mẹ chồng cũng vu cho tôi có bồ bịch, chị gái anh Biên cũng lên nhà chửi chị.

Còn anh Sầm Văn B, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2017, chị Ph đi làm việc tại xã V; nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do khi vợ đi làm về muộn, chồng hỏi thì vợ không thưa, hỏi nhiều thì bảo chồng ghen rồi cãi vã nhau, chồng làm lạnh rồi vợ cũng không thưa. Mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra, vợ chồng không cùng bàn bạc thống nhất thông cảm và bỏ qua cho nhau mà để mâu thuẫn kéo dài trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng thêm và tình cảm vợ chồng thật sự tan rã là từ khi chị Ph bỏ về sống với bố, mẹ, tại Bản G, thị trấn X, huyện H, Cao Bằng, không quay lại nữa và cũng từ đó vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị Ph xác định vợ chồng không còn tình cảm gì nữa. Trong lời tự khai, những lần hòa giải anh B một mực nói là tình cảm giữa anh đối với chị Ph vẫn còn, xong chính anh cũng xác nhận trong thời gian chị bỏ về bên bố mẹ ở anh cũng không đi đón lần nào, anh nói khác đi là phải khác về; thậm chí điện thoại và nhắn tin chị cũng không trả lời nữa, anh không có cách nào hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, có nhiều lần chị đến nhà anh không những biết cách làm cải thiện tình cảm, mà còn trách móc chị, cãi vã nhau, đập cả ảnh cưới, làm mâu thuẫn càng trầm trọng thêm, Tòa án nhân dân huyện H đã hòa giải để cho anh chị đoàn tụ gia đình đến lần thứ ba, nhưng vẫn không thành. Tại phiên tòa anh vẫn không nhất trí ly hôn, nhưng anh cũng không đưa ra được biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, mà còn nói to tiếng không tôn trọng làm cho vợ càng sợ thêm.

Điều 56 khoản 1 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi... vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

Từ những chứng cứ trên đây, chị Ph kiên quyết xin ly hôn với anh B là có căn cứ. Tòa cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph đối với anh B.

[3] **Về con chung:** Tại biên bản xác minh ngày 05/02/2019 cháu Sầm Trà M, sinh ngày 18/02/2010 đã được hơn 08 tuổi, trình bày nguyện vọng, nếu bố, mẹ ly hôn cháu lựa chọn là trực tiếp ở với mẹ, tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 3 năm 2019 anh B và chị Ph cũng nhất trí theo nguyện vọng của con, tùy con thích ở với ai và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh

B lại nói là anh nhận trực tiếp nuôi con, nhưng xét về điều kiện và nguyện vọng của con là muốn trực tiếp ở với mẹ. Nên giao cháu Sầm Trà M cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Ph không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị Ph và anh B đều xác nhận không có tài sản gì, còn số tiền vay Ngân hàng chính sách huyện H và nợ cá nhân, tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 3 năm 2019 anh chị xác nhận đã tự thỏa thuận khác trả hết, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị Ph phải chịu án phí vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 147 khoản 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 147, 203, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị Ph, trú tại: Xóm B, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng, đối với anh Sầm Văn B; trú tại: Xóm P, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sầm Trà M, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2010, khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu tuổi trưởng thành 18 tuổi. Chị Ph không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản, khoản nợ chung: Đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Xác nhận chi Ph đã nộp 300.000đ, tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2011/00971 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự đều có mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã N;
- UBND thị trấn X;
- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu.

Dương Văn Sơn

